

Số: 399/QĐ-VP UBND.KSTT

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHÁNH VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ; Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố trong kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh về Phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh về Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 9494/BTC-CT ngày 6/7/2026 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh liên thông điện tử TTHC về đất đai giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 738/TTr-SNN&MT ngày 17/9/2026 về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC mới ban hành lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Có Phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC chi tiết, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- CT, Phó CT UBND thành phố;
- V0, V3;
- Lưu: VT, NC, KSTTHC, K2.

Ký bởi: Đinh Thị Ngọc Loan

Ký bởi: Nguyễn Thị Ngọc Linh

CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Đức Thắng



PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-VP.UBND ngày 21/ 9 /2026 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Mức độ dịch vụ công trực tuyến		TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính (x)	
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)		
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ (01 TTHC)												
1		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho toàn bộ diện tích đang sử dụng đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01/7/2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (trường hợp không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai)	15 ngày làm việc (Thời gian giải quyết đối với vùng núi, hải đảo, biên giới, khó khăn: 20 ngày làm việc. Đối với hồ sơ cần xác định nghĩa vụ tài chính: tăng thêm 05 ngày làm việc của cơ quan thuế	- Trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Điểm Tiếp nhận và Trả kết quả; - Trực tuyến tại: https://dichvucong.gov.vn - Dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh về phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;	x	x		x	x	

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ BCCI		Mức độ dịch vụ công trực tuyến		TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính (x)
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)	
						- Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh về Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; - Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; - Văn bản số 9494/BTC-CT ngày 6/7/2026 của Bộ tài chính về việc đẩy mạnh liên thông điện tử TTHC về đất đai giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai;					

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG CẤP TỈNH: 01 TTHC

1. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho toàn bộ diện tích đang sử dụng đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01/7/2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (*trường hợp không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật Đất đai*)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ quy định thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Điểm Tiếp nhận và Trả kết quả;
- Trực tuyến tại: <https://dichvucong.gov.vn>
- Dịch vụ bưu chính công ích

Bước 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định;
- Chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký tại địa phương nơi có đất để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký tại địa phương nơi có đất thực hiện:

- Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai;
- Trường hợp đất không có tranh chấp thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 19 ban hành kèm theo Quy định này đến cơ quan thuế để xác định và thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

Bước 4: Cơ quan thuế thực hiện thủ tục xác định tiền sử dụng đất, các nghĩa vụ tài chính khác phải nộp theo quy định; ban hành thông báo nộp tiền gửi cho người sử dụng đất.

Bước 5: Người sử dụng đất nộp các nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế (nếu có).

Bước 6: Cơ quan thuế xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính và gửi thông tin vào cơ sở dữ liệu được liên thông;

Bước 7: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký tại địa phương nơi có đất:

- Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho toàn bộ diện tích của thửa đất theo quy định.

- **Bàn giao Giấy chứng nhận cho Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả cho người sử dụng đất theo Giấy hẹn.**

- **Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;**

Bước 8: Trung tâm Phục vụ hành chính công thu phí, lệ phí (nếu có), trả Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

(2) Cách thức thực hiện: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu/Điểm Tiếp nhận và Trả kết quả gần nhất hoặc truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia <https://dichvucong.gov.vn>; Dịch vụ bưu chính.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Quy định của UBND tỉnh;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đã cấp.

b) *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

(4) Thời hạn giải quyết

Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 20 ngày.

Trường hợp hồ sơ cần xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định: thêm 05 ngày làm việc của Cơ quan thuế.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Hộ gia đình, cá nhân.

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký tại địa phương nơi có đất.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký tại địa phương nơi có đất.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan thuế.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

(8) Phí, lệ phí

Theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Theo Phụ lục II ban hành kèm theo quy định về trình tự thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh:

- + Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 18;
- + Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 19;

- Tờ khai lệ phí trước bạ theo Mẫu số 01/LPTB Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Tờ khai thuê sử dụng đất phi nông nghiệp theo Mẫu số 04/TK-SDDPNN Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

(10) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đã được cấp Giấy chứng nhận một phần vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi thành Luật Đất đai;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh về phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
- Văn bản số 9494/BTC-CT ngày 6/7/2026 của Bộ tài chính về việc đẩy mạnh liên thông điện tử TTHC về đất đai giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai;
- Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.

Mẫu số 18. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤTKính gửi:⁽¹⁾

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

- Tên⁽²⁾:- Giấy tờ nhân thân/pháp nhân⁽³⁾:- Địa chỉ⁽⁴⁾:

- Mã số thuế (nếu có):

- Điện thoại liên hệ (nếu có): Hộp thư điện tử (nếu có):

(Trường hợp có nhiều đồng sử dụng, sở hữu thì kê khai thông tin một người đại diện; đồng thời lập danh sách theo Bảng 18a đính kèm)

II. Nội dung biến động⁽⁵⁾:

.....

.....

III. Thông tin về đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)⁽⁶⁾:

.....

IV. Giấy tờ liên quan đến nội dung biến động nộp kèm theo đơn này gồm có⁽⁷⁾:

(1) Giấy chứng nhận đã cấp;

(2)

(3)

Cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng năm

Người viết đơn*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)***Hướng dẫn kê khai đơn:**

(1) Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài thì ghi: “Văn phòng đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.....” nơi có đất. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có phần diện tích tăng thêm mà thửa đất gốc đã được cấp Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận/thửa đất có một phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận thì ghi: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu ...”.

Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì ghi “Văn phòng đăng ký đất đai...” nơi có đất.

(2) Cá nhân: Ghi họ và tên bằng chữ in hoa, năm sinh theo giấy tờ nhân thân. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: Ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch. Cộng đồng dân cư: Ghi tên của cộng đồng dân cư. Tổ chức: Ghi theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh.

Trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi thông tin của bên nhận chuyển quyền.

(3) Cá nhân: Ghi số định danh cá nhân hoặc số, ngày cấp và nơi cấp hộ chiếu.

Tổ chức: Ghi số, ngày ký, cơ quan ký văn bản theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh.

(4) Cá nhân: Ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: Ghi địa chỉ đăng ký thường trú ở Việt Nam (nếu có). Cộng đồng dân cư: Ghi địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

Tổ chức: Ghi địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh.

(5) Ghi nội dung biến động như: “nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho ..., cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất, cấp đổi Giấy chứng nhận ...”.

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất thì ghi nội dung: “*đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất*” và thể hiện thông tin Giấy chứng nhận bị mất, gồm: số vào sổ cấp Giấy chứng nhận; Số phát hành Giấy chứng nhận (Số seri)”, trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có thông tin về Giấy chứng nhận đã cấp thì không kê khai nội dung tại mục này. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai để xác định các thông tin tại mục này, trong đó thông tin bắt buộc phải có là thông tin số vào sổ cấp Giấy chứng nhận hoặc số phát hành Giấy chứng nhận (Số seri).

Trường hợp có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận thì ghi “có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận”.

(6) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định pháp luật thì ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm (ví dụ: thương binh, đối tượng chính sách, ...) vào mục này.

(7) Ghi các loại giấy tờ nộp kèm theo Đơn này.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định pháp luật thì nộp giấy tờ chứng minh là đối tượng được miễn, giảm theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Bảng 18a: Danh sách những người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người nhận chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ	Mã số thuế (nếu có)	Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Diện tích sử dụng/Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Ghi chú ^(*)

() Đối với trường hợp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là của vợ và chồng thì thể hiện thông tin “là vợ/chồng”; trường hợp của hộ gia đình thì ghi “là thành viên có chung QSDĐ của hộ.”.*

Mẫu số 19. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

.....
(TÊN ĐƠN VỊ CHUYỂN
THÔNG TIN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PCTT

....., ngày ... tháng năm

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính⁽¹⁾:

1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ⁽²⁾:

1.3. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính⁽³⁾:

1.4. Căn cứ pháp lý⁽⁴⁾:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT/NGƯỜI NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1.1. Tên⁽⁵⁾:

1.2. Địa chỉ⁽⁶⁾:

Xã/phường/đặc khu:.....Tỉnh/thành phố:.....

1.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

1.4. Mã số thuế (nếu có):

1.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân⁽⁷⁾:

Loại giấy tờ:.....Số giấy tờ:.....Ngày sinh:.....

(Trường hợp có nhiều đồng sử dụng, sở hữu thì kê khai thông tin một người đại diện; đồng thời lập danh sách theo Bảng 19a đính kèm)

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

2.1. Tên⁽⁵⁾:

2.2. Địa chỉ⁽⁶⁾:

Xã/phường/đặc khu:.....Tỉnh/thành phố:.....

2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

2.4. Mã số thuế (nếu có):

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân⁽⁷⁾:

Loại giấy tờ:.....Số giấy tờ:.....

Ngày sinh (khai với cá nhân chưa đăng ký thuế):.....

(Trường hợp có nhiều người đồng sử dụng, sở hữu thì kê khai thông tin một người đại diện; đồng thời lập danh sách theo Bảng 19b đính kèm).

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Thông tin về đất

1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số:

1.2. Địa chỉ tại⁽⁸⁾:

Xã/phường/Đặc khu:.....Tỉnh/thành phố:.....

1.3. Giá đất

Đường:.....Đoạn đường:.....Vị trí:.....Thông tin khác:.....

Loại giá	Đơn giá (VNĐ/m ²)
Giá đất theo bảng giá:	
Hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có):	

1.4. Diện tích thửa đất: m²

- Diện tích sử dụng chung: m²

- Diện tích sử dụng riêng: m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

1.6. Mục đích sử dụng đất⁽⁹⁾:

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☐

- Có thời hạn: năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:

...../...../.....

1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....

1.9. Hình thức sử dụng đất⁽¹⁰⁾:

1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất⁽¹¹⁾:

Loại giấy tờ:.....Số:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....

(Trường hợp có nhiều thửa đất thì lập danh sách theo Bảng 19c đính kèm)

2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất

2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:

2.2. Diện tích xây dựng: m²2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng: m²2.4. Diện tích sở hữu chung: m²; Diện tích sở hữu riêng: m²

2.5. Số tầng: tầng; trong đó, số tầng nổi: tầng, số tầng hầm: tầng

2.6. Nguồn gốc:

2.7. Năm hoàn thành xây dựng:

2.8. Thời hạn sở hữu đến:

*(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì lập danh sách theo Bảng 19d đính kèm)***3. Trường hợp có biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**

3.1. Loại biến động (Chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng...)

3.2. Loại tài sản biến động (Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...).....

3.3. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng/nhận thừa kế/nhận tặng cho (thể hiện nếu có thông tin):

- Giá trị đất (nếu có):.....

- Giá trị nhà (nếu có):.....

- Giá trị nhà + đất (nếu có):

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ)

1. Trường hợp ghi nợ:.....

2. Tiền sử dụng đất:

3. Lệ phí trước bạ:

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TẠI PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN

Mục I.

- (1) Ghi Mã số hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.
- (2) Ghi theo thời gian nhận đủ hồ sơ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
- (3) Ghi loại thủ tục như: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu, chuyển nhượng, tặng cho, v.v...
- (4) Ghi căn cứ pháp lý để xác định cấp Giấy chứng nhận theo điểm...khoản...Điều... nào của Luật Đất đai, Nghị định của Chính phủ.

Mục II. Ghi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất/người nhận chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất/người chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất. Trường hợp nhiều người cùng chung quyền sử dụng đất, cùng chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi thông tin một người đại diện và danh sách theo Bảng 19a/Bảng 19b.

- (5) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh;

Tổ chức ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư; cá nhân nước ngoài và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch.

- (6) Địa chỉ để gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính và trong trường hợp cần thiết liên lạc đề nghị cung cấp hồ sơ bổ sung theo quy định.
- (7) Ghi Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh. đối với tổ chức; số hộ chiếu đối với cá nhân nước ngoài và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài; số định danh đối với cá nhân trong nước.

Mục III.

Điểm 1. Ghi thông tin thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất thì lập danh sách theo Bảng 19c.

- (8) Ghi số nhà, tên đường, phố (nếu có); tên điểm dân cư (tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, điểm dân cư tương tự) hoặc tên khu vực, xứ đồng (đối với thửa đất ngoài khu dân cư); tên đơn vị hành chính các cấp xã, tỉnh nơi có thửa đất.
- (9) Mục đích sử dụng đất theo phân loại đất và là mục đích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc mục đích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất.
- (10) Ghi hình thức sử dụng đất như: Công nhận hoặc nhận chuyển quyền sử dụng đất như Giao đất không thu tiền sử dụng đất/Giao đất có thu tiền sử dụng đất/Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê/Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- (11) Ghi tên loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc Giấy chứng nhận đã cấp.

Điểm 2. Ghi thông tin về tài sản gắn liền với đất theo Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất. Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì lập danh sách theo Bảng 19d.

Bảng 19a: Danh sách những người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người nhận chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ	Mã số thuế (nếu có)	Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Diện tích sử dụng/Tỷ lệ sở hữu (nếu có)	Ghi chú(*)

(*) Đối với trường hợp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là của vợ và chồng thì thể hiện thông tin “là vợ/chồng”; trường hợp của hộ gia đình thì ghi “là thành viên có chung QSDĐ của hộ.”.

Bảng 19b: Danh sách những người chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Tên người chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất	Địa chỉ	Mã số thuế (nếu có)	Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Diện tích sử dụng/Tỷ lệ sở hữu (nếu có)

Bảng 19c: Bảng kê thông tin về đất

STT	Thửa đất	Tờ bản đồ	Địa chỉ	Giá đất	Diện tích	Nguồn gốc	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Thời điểm bắt đầu sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có)

Bảng 19d: Bảng kê thông tin tài sản gắn liền với đất

STT	Loại nhà ở, công trình	Cấp nhà ở, công trình	Số tầng		Diện tích		Thời hạn sở hữu
			Tầng nổi	Tầng hầm	Sử dụng/sản xây dựng	Xây dựng	